Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8525.60.00

Mã HS	8525.60.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh / - Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 15:41:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85256000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15583
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15583
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15583
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14908
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14840
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14840
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14840
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14840
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14840
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14840
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14894
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14894
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14894
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14894
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14894
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14895
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14895
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14895
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14895
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14895
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14895
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14898
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14846
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14854
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14854
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14854
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14854
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14854
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14854
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14894
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14894
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14894
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14894
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14894
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14894
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14949
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14949

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14949
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14949
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14949
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14949
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14928
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14928
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14928
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14928
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14928
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14928
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14926
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14926
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14926
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14926
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14926
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14926
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14932
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14932
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14932
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14932
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14932
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14932
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14931
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14931
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14931
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14931

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14931
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14931
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14924
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14924
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14924
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14924
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14924
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14924
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14924
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14919
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14919
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14919
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14919
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14919
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14919
RCEP B	2022	2022	0	B!D14919
RCEP B	2023	2023	0	B!E14919
RCEP B	2024	2024	0	B!F14919
RCEP B	2025	2025	0	B!G14919
RCEP B	2026	2026	0	B!H14919
RCEP B	2027	2027	0	B!I14919
RCEP C	2022	2022	0	C!D14919
RCEP C	2023	2023	0	C!E14919
RCEP C	2024	2024	0	C!F14919
RCEP C	2025	2025	0	C!G14919
RCEP C	2026	2026	0	C!H14919

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14919
RCEP D	2022	2022	0	D!D14918
RCEP D	2023	2023	0	D!E14918
RCEP D	2024	2024	0	D!F14918
RCEP D	2025	2025	0	D!G14918
RCEP D	2026	2026	0	D!H14918
RCEP D	2027	2027	0	D!I14918
RCEP E	2022	2022	0	E!D14922
RCEP E	2023	2023	0	E!E14922
RCEP E	2024	2024	0	E!F14922
RCEP E	2025	2025	0	E!G14922
RCEP E	2026	2026	0	E!H14922
RCEP E	2027	2027	0	E!I14922
RCEP F	2022	2022	0	F!D14919
RCEP F	2023	2023	0	F!E14919
RCEP F	2024	2024	0	F!F14919
RCEP F	2025	2025	0	F!G14919
RCEP F	2026	2026	0	F!H14919
RCEP F	2027	2027	0	F!I14919
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13897
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13897
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13897
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13897

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)		211/2025/NĐ-CP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8525.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8525.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15583), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.